

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02-11-2020

“V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Bà Dư Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2020/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm T - sinh năm: 1997. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp Vĩnh H, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Lê Trọng H - Sinh năm: 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Thạnh X, xã H, Huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Lê Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Lê Trọng H tự tìm hiểu thời gian khoảng 03 năm, được gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 6 năm 2017. Đến năm 2019, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì đã phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, vợ chồng thường cãi nhau, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, anh H không chung thủy. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Quốc A - sinh ngày: 13/9/2019 Hiện cháu A đang chung sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Trọng H để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cũng như tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh H không nộp bản tự khai cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ kiện.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung, cháu Quốc A hiện dưới 36 tháng tuổi đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, do chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, không có, đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh H. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã Thạnh H, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Lê Trọng H cưới nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn không phù hợp tính ý, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau, anh H không chung thủy. Chị và anh H nhiều tự hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ đó, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 06 năm 2020 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.....”*. Nhưng anh chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng.

Tòa án đã tiến hành xác minh chính quyền địa phương nơi anh H cư trú, đại diện chính quyền địa phương không nhận được tin báo hoặc yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng anh H. Anh H vẫn còn thường xuyên sinh sống tại địa phương, chung sống cùng với gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, anh không đưa ra được biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có thiện chí hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn. Chị T vẫn cương quyết ly hôn nên có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của chị T và Giấy khai sinh có cơ sở xác định trong quá trình chung sống chị T và anh H có 01 con chung tên Lê Quốc A - sinh ngày: 13/9/2019. Hiện cháu A đang chung sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

Xét thấy cháu Quốc A hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu dưới 36 tháng tuổi, chị T đảm bảo các điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con. Sau khi xem xét quyền lợi mọi mặt của con, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Quốc A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Do chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003467 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Cẩm T được ly hôn với anh Lê Trọng H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quốc A - sinh ngày: 13/9/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số

0003467 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, chị T được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 02/11/2020, anh H được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, Hện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An